TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/DSST
Ngày: 04/4/2025
"V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và bà Lê Thị Toan .
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2024/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 23/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (Viết tắt: S1). Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân Hạnh P – Giám đốc S1 chi nhánh G. Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Võ Thị L- chuyên viên quản lý nợ S1 chi nhánh G. Địa chỉ: C N, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
- Bị đơn: Ông Lê Doãn V, sinh năm 1979. Địa chỉ: Hẻm C L, tổ F, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án bà Võ Thị L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/06/2020, ông Lê Doãn V được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng Visa Platinum với hạn mức sử dụng thẻ là 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn), với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ ông Lê Doãn V phải trả các loại phí theo quy định tại Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng S1 trong từng thời kỳ như phí vượt hạn mức là 0,075%/ngày (Min 50.000 đồng), phí thường niên, phí chậm

thanh toán (6% số tiền chậm thanh toán: Min 80.000 đồng, 100.00 đồng) và nếu ông Lê Doãn V không thanh toán hết dư nợ theo thông báo giao dịch mà S1 đã gửi Thông báo hàng tháng thì ông Lê Doãn V phải trả lãi cho số tiền đã sử dụng (bao gồm cả phí và số tiền giao dịch…. các loại phí khác được quy định cụ thể tại Bảng điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S1, biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng S1 trong từng thời kỳ.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng từ ngày 25/06/2020 đến ngày 15/10/2023 ông Lê Doãn V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền bao gồm cả phí, lãi phát sinh là 143.397.846 đồng (trong đó: số tiền giao dịch 82.760.973 đồng, phí trễ hạn là: 2.718.185 đồng, phí vượt hạn mức là: 1.560.107 đồng, phí thường niên là: 5.260.080 đồng và tiền lãi phát sinh là: 28.570.714 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 15/10/2023 ông Lê Doãn V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 85.484.229 đồng .Căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì thứ tự thanh toán thẻ tín dụng của ông Lê Doãn V được hạch toán như sau:

1.Các khoản phí va/hoặc lãi của kỳ trước;

2.Giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt của kỳ trước;

3.Giao dịch mua hàng hóa/thanh toán thẻ trực tuyến của kỳ trước;

4.Các khoản phí và /hoặc lãi trong kỳ;

5.Giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt trong kỳ;

6.Giao dịch mua hàng hóa/ thanh toán thẻ trực tuyến trong kỳ.

Số tiền còn lại của ông Lê Doãn V được tính như sau: 85.484.229đ - 2.718.185đ – 1.560.107đ – 5.260.000đ – 28.570.714đ – 47.375.143đ (trong 82.760.973đ số tiền giao dịch) = 35.385.830 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Lê Doãn V vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng "Sau 75 ngày kể từ ngày lập TBGD hoặc sau 03(ba) kỳ TBGD liên tiếp, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu, S1 sẽ áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của S1, S1 chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 5 Quyết định 100/2019/QĐ/VBLQ V/v ban hành Quy định hoạt động thẻ của Ngân hàng " Dư nợ thẻ bao gồm giao dịch, phí, lãi khi chuyển sang nhóm 3 (nợ xấu) thì toàn bộ dư nợ được quy định là nợ gốc và việc thanh toán ưu tiên cho nợ gốc trước". Vì vậy số tiền còn lại 35.385.830 đồng được gọi là nợ gốc.

Mặc dù S1 thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu ông Lê Doãn V có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời S1 cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Lê Doãn V trả nợ. Tuy nhiên, ông Lê Doãn V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký; ông V còn bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo nơi cư trú mới gây khó khăn cho S1.

Tính đến ngày 04/04/2025, ông Lê Doãn V có trách nhiệm phải thanh toán cho S1 tổng số tiền là 58.923.635 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 35.385.830 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn,

tám trăm ba mươi đồng), Lãi quá hạn: 23.537.805 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm lẻ năm đồng).

S1 kính đề nghị Quý Tòa buộc ông Lê Doãn V phải trả cho S1 số tiền 58.923.635 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1483053, ngày hợp đồng 25/6/2020 loại thẻ Visa Platinum và các Điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, đồng thời buộc ông Lê Doãn V phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn ông Lê Doãn V trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, thì xác định bị đơn có đăng ký thường trú tại hẻm C L (nay là đường D), tổ F, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nhưng hiện tại ông Lê Doãn V không có mặt tại địa phương, ông V đã bỏ đi khỏi địa phương khoảng gần bốn năm nay, đi đâu làm gì thì địa phương không nắm rõ vì không thấy ông V hay gia đình báo cáo với địa phương. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông V không đến Toà án làm việc, nên không có lời khai trình bày tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố P, vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền xét xử theo qui định pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Doãn V phải trả nợ cho S1 số tiền tính đến ngày 04/04/2025 là: 58.923.635 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 35.385.830 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi đồng), Lãi quá hạn: 23.537.805 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm lẻ năm đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và các Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn ông Lê Doãn V có nơi cư trú tại thành phố P, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết và xác định quan

hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* là đúng theo qui định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với số tiền bị đơn ông Lê Doãn V vay hạn mức sử dụng thẻ là 30.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng từ ngày 25/06/2020 đến ngày 15/10/2023 ông Lê Doãn V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền bao gồm cả phí, lãi phát sinh là 143.397.846 đồng (trong đó: số tiền giao dịch 82.760.973 đồng, phí trễ hạn là: 2.718.185 đồng, phí vượt hạn mức là: 1.560.107 đồng, phí thường niên là: 5.260.080 đồng và tiền lãi phát sinh là: 28.570.714 đồng. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 5 Quyết định 100/2019/QĐ/VBLQ V/v ban hành Quy định hoạt động thẻ của Ngân hàng " Dư nợ thẻ bao gồm giao dịch, phí, lãi khi chuyển sang nhóm 3 (nợ xấu) thì toàn bộ dư nợ được quy định là nợ gốc và việc thanh toán ưu tiên cho nợ gốc trước".

Việc ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1483053, ngày hợp đồng 25/6/2020 loại thẻ Visa Platinum, giữa nguyên đơn với bị đơn là hình thức giao dịch về dân sự trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn ông Lê Doãn V không thực hiện nghĩa vụ trả theo hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của S1. Xét giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn phù hợp pháp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Doãn V phải trả cho nguyên đơn số tiền: 58.923.635 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc đến ngày 04/4/2025 là 35.385.830 đồng và lãi quá hạn: 23.537.805 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1483053 ngày hợp đồng 25/6/2020.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Doãn V phải chịu 2.946.182 đồng *(Bằng chữ: Hai triệu, chín trăm bốn mươi sáu ngàn, một trăm tám mươi hai đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự, trả lại cho nguyên đơn tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng trước đây.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).*

- Căn cứ các Điều 292, 344, 345, 351, 352, 353 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (Viết tắt: S1).

[2]. Buộc bị đơn ông Lê Doãn V phải trả cho nguyên đơn số tiền 58.923.635 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 35.385.830 đồng; lãi quá hạn đến ngày 04/4/2025 là 23.537.805 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1483053 ngày 25/6/2020 cho đến ngày bị đơn trả xong nợ.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn ông Lê Doãn V phải nộp 2.946.182 đồng *(Bằng chữ: Hai triệu, chín trăm bốn mươi sáu ngàn, một trăm tám mươi hai đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền: 1.233.761đồng *(Bằng chữ: Một triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, bảy trăm sáu mươi mốt đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 000645 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, Gia Lai.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (04/4/2025) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

[5] Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngà